

Số: /2023/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2022- 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ ..**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2022- 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập năm học 2022- 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và quy định không thu học phí có thời hạn.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em học mầm non và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

c) Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

Điều 2. Phân loại các vùng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để cơ sở giáo dục áp dụng mức thu học phí

1. Vùng thành thị: Cơ sở giáo dục tại các phường thuộc thị xã, thành phố.

2. Vùng nông thôn: Cơ sở giáo dục tại các xã thuộc thị xã, thành phố; thị trấn và các xã đồng bằng thuộc các huyện đồng bằng.

3. Vùng dân tộc thiểu số và miền núi, huyện Lý Sơn:

Cơ sở giáo dục tại các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng; các xã, thị trấn thuộc các huyện miền núi; cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện Lý Sơn.

Điều 3. Mức thu học phí

1. Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên năm học 2022-2023:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/học sinh

| TT | Cấp học | Vùng thành thị | Vùng nông thôn | Vùng dân tộc thiểu số và miền núi, huyện Lý Sơn |
|----|--------------------------|----------------|----------------|---|
| 1 | Mầm non | | | |
| | a) Có tổ chức bán trú | 110 | 45 | 20 |
| | b) Không tổ chức bán trú | 70 | 35 | 15 |
| 2 | Trung học cơ sở | 80 | 50 | 20 |
| 3 | Trung học phổ thông | 110 | 65 | 25 |

2. Đối với cơ sở giáo dục thường xuyên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn.

3. Quy định mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (Online)

Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (Online) bằng 75% mức thu học phí của các cơ sở giáo dục công lập quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này. Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng (trong trường hợp mức thu học phí trực tuyến của cấp học có số tiền tuyệt đối lẻ đến tiền đồng).

4. Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh, các sự kiện bất khả kháng thì học phí được thu theo số tháng học thực tế (bao gồm cả thời gian tổ chức dạy học bù tại trường); không thu học phí trong thời gian không tổ chức dạy học. Mức thu học phí đảm bảo nguyên tắc theo số tháng thực học và chi phí phát sinh cần thiết để tổ chức dạy học nhưng không vượt quá 9 tháng/năm học.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khoá XIII Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBND tỉnh;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân